

*Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Thành

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/ Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

2/ Ông Võ Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2018/TLST- HNGĐ ngày 15/6/2018 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn X; sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú: khu phố 8, thị trấn A, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1993; địa chỉ nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn X trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: anh X và chị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 10/11/2014. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do chị H không thông cảm cho tính chất công việc của quân nhân là thường xuyên phải công tác xa nhà. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm. Anh X và chị H đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, anh X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: anh X và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 21/12/2015. Cháu V khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần và đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, anh X yêu cầu chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V. Anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản khi ly hôn: anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 27/7/2018 tại Công an xã S, chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, huyện Cam Lâm và hiện đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa anh Nguyễn X và chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh X vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/10/2018 nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 03/9/2018 và 19/10/2018, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X và chị H.

[2] Về yêu cầu ly hôn: anh X và chị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 01/2014, ngày 10/11/2014; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh X và chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thực sự thương yêu, quý trọng nhau. Anh X và chị H đã ly thân từ năm 2016 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh X và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh X được ly hôn với chị H.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: anh X và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 21/12/2015. Cháu V dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng của anh X.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: anh X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn X được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 21/12/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thảo V đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: anh Nguyễn X, chị Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: anh Nguyễn X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004324 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, anh X đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh Nguyễn X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quy định: kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn X chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Đ. H. Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành

